| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỨC LINH**<br>**TỈNH BÌNH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 55/2023/HN&GĐ-ST
Ngày: 07-6-2023
"V/v Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Thuận.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Đinh Thị Hạnh;

2/ Ông Mai Thương.

*Thư ký phiên toà:* Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

*Đại diện Viên kiểm sát nhân dân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2023/TLST-HN&GĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXXST-HN&GĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trịnh Thanh H, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Số 399, đường số 7, thôn 5, xã Nc, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Thùy N, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Số 496, đường Cách mạng tháng 8, khu phố 2, thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Về hôn nhân: Anh H và chị N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx, sau khi kết hôn thì anh H và chị N chung sống hạnh phúc tại khu phố 7, thị trấn Vx; cuộc sống hôn nhân hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N không chăm lo cho gia đình, đi cờ bạc; mâu thuẫn kéo dài trong thời gian dài, anh H nhều lần khuyên nhưng chị N không thay đổi, anh H đã một lần yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị N và đã được giải quyết tại bản án số 76/2022/HN&GĐ-ST ngày 29/8/2022, nhưng nghĩ về con cái nên anh H và chị N đã kết hôn lại; nay con cái đã trưởng thành, cuộc sống hôn nhân giữa anh H và bà

N không còn hạnh phúc, không còn tồn tại, do đó anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh H khai nhận giữa anh và chị N có với nhau 02 con chung tên Trịnh Phiên Nh, sinh ngày 02/02/2004 và Trịnh Thành D, sinh ngày 06/11/2005; anh H không yêu cầu giải quyết vấn đề con chung trong vụ án này.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ: Anh H thừa nhận giữa anh và chị N có nợ Ngân hàng Sacombank Đức Linh số tiền 600.000.000 đồng, anh H khai nhận giữa anh và chị N đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết nợ chung, cụ thể là anh H và chị N, mỗi người có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Sacombank Đức Linh số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Do đó, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nợ chung trong vụ án này.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:*

Về hôn nhân: Chị N và anh H kết hôn với nhau vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx; vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do hết tình cảm vợ chồng, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân; nay anh H yêu cầu ly hôn thì chị N đồng ý.

Về con chung, về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về vợ: Chị N khai nhận giữa chị và anh H còn nợ Ngân hàng Sacombank Đức Linh số tiền 600.000.000 đồng. Khi Tòa án giải quyết ly hôn, chị N yêu cầu anh H có trách nhệm trả cho Ngân hàng Sacombank Đức Linh số tiền 300.000.000 đồng, chị N sẽ trả 300.000.000 đồng. Chị N sẽ nộp đơn phản tố đến trước ngày 14/4/2023, nếu sau thời gian này chị N không nộp đơn thì xem như không có tranh chấp.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trịnh Thanh H ly hôn chị Huỳnh Thị Thùy N.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí DSST.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Trịnh Thanh H khởi kiện ly hôn đối với bị đơn Huỳnh Thị Thùy N; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại khu phố 2, thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tống D hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ bản sao Trích lục kết hôn số 63/TLKH-BS ngày 03/02/2023 do Ủy ban nhân dân thị trấn Vx cung cấp thì có căn cứ khẳng định, chị N và anh H có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx, huyện Đức Linh vào ngày 06/01/2023, theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2023. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị N được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Anh H và Chị N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi tổ chức lễ cưới thì anh chị sống chung với nhau như vợ chồng được thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của anh H và chị N là do anh chị không hợp nhau về mọi mặt trong đời sống hôn nhân dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc và dẫn đến ly hôn lần đầu vào năm 2022, sau đó đăng ký kết hôn lại, nhưng tình cảm vợ chồng thật sự không còn và đã ly thân nhau; quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, anh H kiên quyết yêu cầu được ly hôn chị N; chị N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị N đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không D được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị N.

[3.2] Về con chung, tài sản chung: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của anh H và chị N về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[3.3] Về nợ: Quá trình giải quyết vụ án, anh H thừa nhận hiện tại anh chị còn nợ Ngân hàng TMCP Sacombank Đức Linh số tiền 600.000.000đồng, nhưng anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị N cũng thừa nhận nợ chung nhưng không có đơn yêu cầu phản tố tranh chấp về nợ chung (mặc dù chị N cam kết sẽ nộp đơn

phản tố về nợ chung cho Tòa án trước ngày 14/4/2023), do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề nợ chung trong vụ án này. Tuy N, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến tự nguyện của anh H về việc cam kết trả nợ như sau: Anh H và chị N, mỗi người có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Sacombank Đức Linh số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Trường hợp Ngân hàng Sacombank Đức Linh khởi kiện thì căn cứ nhận định của Tòa án trong bản án này để giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Thanh H.

**1.** Về hôn nhân: Anh Trịnh Thanh H ly hôn chị Huỳnh Thị Thùy N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01, đăng ký ngày 06/01/2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx, huyện Đức Linh giữa anh Trịnh Thanh H và chị Huỳnh Thị Thùy N hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

**2.** Về con chung, tài sản chung và nợ: Không giải quyết trong bản án này.

**3.** Về án phí: Anh Trịnh Thanh H phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0014825 ngày 16/02/2023. Anh Trịnh Thanh H đã nộp đủ tiền án phí.

**4.** Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/6/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND TT. Vx;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thuận**